

Số:187/BC-CTK

Hà Giang, ngày 24 tháng 7 năm 2024

## BÁO CÁO

### TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI THÁNG 7 NĂM 2024

Tình hình kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh tiếp tục được duy trì, trong tháng thời tiết có mưa đều tạo điều kiện thuận lợi cho bà con nông dân triển khai sản xuất vụ Mùa. Lĩnh vực công nghiệp có sự phục hồi tích cực và đạt kết quả tăng trưởng khá đặc biệt ở lĩnh vực điện năng do trong tháng mưa nhiều, lưu lượng nước đảm bảo để các nhà máy thủy điện tăng công suất hoạt động. Lĩnh vực thương mại, dịch vụ, vận tải phát triển tốt, tỉnh đã và đang triển khai nhiều giải pháp để thúc đẩy các hoạt động kinh doanh, du lịch và tăng cường xúc tiến thương mại biên mậu. Qua theo dõi và tổng hợp tình hình kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Hà Giang tháng 7/2024, Cục Thống kê đánh giá tình hình kinh tế - xã hội thực hiện trên một số lĩnh vực chủ yếu sau:

#### I. VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ

##### 1. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

Trọng tâm sản xuất nông nghiệp trong tháng là thu hoạch các loại cây hàng năm vụ Xuân giải phóng đất triển khai sản xuất các cây trồng vụ Mùa. Về chăn nuôi, trong kỳ xuất hiện dịch Tả lợn Châu Phi tại 04 huyện/thành phố, các ngành chức năng tập trung chỉ đạo bà con nông dân triển khai công tác phòng, chống dịch bệnh cho đàn vật nuôi và Dịch tả lợn Châu phi cũng như tập trung công tác chăm sóc, tái đàn vật nuôi đảm bảo an toàn, hiệu quả và phát triển. Lâm nghiệp tiếp tục công tác trồng rừng và khai thác diện tích rừng trồng đến chu kỳ khai thác, sản xuất thủy sản được duy trì và có mức tăng nhẹ so với cùng kỳ.

##### 1.1. Sản xuất nông nghiệp

**a. Trồng trọt:** Trong kỳ các địa phương tiếp tục thu hoạch các loại cây hàng năm vụ Xuân, triển khai sản xuất vụ Mùa. Đến nay các huyện, thành phố đã thu hoạch xong diện tích lúa ruộng, các cây trồng khác như: Ngô, lạc, đậu tương... cơ bản cũng được thu hoạch xong. Cây ngô chính vụ ở các huyện vùng cao phía Bắc đang vào chắc và chuẩn bị cho thu hoạch trong tháng 8 và tháng 9.

Cùng với thu hoạch vụ Xuân, các địa phương tập trung làm đất, gieo mạ, xuống giống các cây trồng hàng năm vụ Mùa đảm bảo khung thời vụ. Nhìn chung tiến độ sản xuất, gieo trồng vụ Mùa 2024 được triển khai, thực hiện nhanh hơn so với cùng kỳ năm trước, do thời gian vừa qua thời tiết mưa dầm đều thuận lợi cho

việc triển khai sản xuất, gieo trồng và sự sinh trưởng, phát triển của các loại cây trồng trong vụ. Tính đến ngày 15/7/2024 kết quả thực hiện gieo trồng đối với một số cây trồng chính vụ Mùa như sau:

- Cây lúa: Diện tích lúa vụ Mùa gieo cấy trong tháng đạt 23.793 ha, tăng 9,48% so với cùng tháng năm trước, lũy kế diện tích lúa vụ Mùa gieo cấy đạt 25.568,6 ha, tăng 9,4% so với cùng kỳ. Diện tích lúa gieo cấy tăng cao do năm nay thời tiết thuận lợi, mưa nhiều, người dân đẩy nhanh tiến độ.

- Cây ngô: Diện tích ngô vụ Mùa gieo trồng trong tháng đạt 1.410,3 ha, tăng 2,08 % so với cùng tháng năm trước, lũy kế diện tích ngô vụ Mùa gieo cấy đạt 27.233,8 ha, giảm 0,92% so với cùng kỳ. Diện tích ngô gieo trồng lũy kế giảm do thời vụ gieo trồng ngô năm 2024 chậm hơn năm trước khoảng 20 ngày.

- Cây hàng năm khác: Diện tích khoai lang vụ Mùa gieo trồng trong tháng đạt 365,6 ha, lũy kế vụ Mùa đã gieo trồng được 464,8 ha, tăng 2,19% so với cùng kỳ năm trước. Diện tích đậu tương gieo trồng trong tháng đạt 250,1 ha, giảm 35,69% so với cùng tháng năm trước, lũy kế diện tích gieo trồng đạt 332,8 ha, so với cùng kỳ giảm 14,42%; gieo trồng lạc vụ Mùa bắt đầu thực hiện từ tháng 7, diện tích gieo trồng trong tháng đạt 779,0 ha, giảm 0,43% so với cùng kỳ năm trước. Diện tích rau, đậu gieo trồng trong tháng 1.568,4 ha, giảm 1,10% so với cùng tháng năm trước, lũy kế diện tích rau, đậu gieo trồng trong vụ đạt 3.021,4 ha, tăng 1,09% so với cùng kỳ.

**Hình 1: Diện tích một số cây hàng năm vụ Mùa (so với cùng vụ năm trước)**

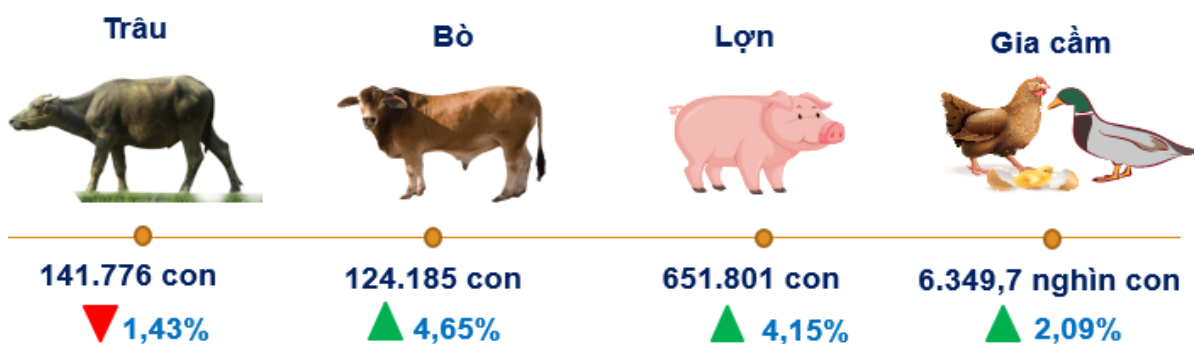


\* *Tình hình thiên tai, dịch bệnh:* Trong tháng mưa lớn kéo dài, nhiều địa phương xảy ra ngập lụt gây thiệt hại về cây trồng. Diện tích lúa thiệt hại 681,5 ha, diện tích ngô bị thiệt hại 9,1 ha, diện tích hoa màu bị thiệt hại 10,22 ha. Diện tích cây lúa Mùa rải rác xuất hiện bệnh đạo ôn lá; bọ trĩ; bọ xít dài; châu chấu (cào cào); ốc brou vàng; rầy nâu; sâu cuốn lá nhỏ; sâu đục thân. Cây ngô xuất hiện bệnh đốm lá lớn; Bệnh đốm lá nhỏ; Sâu cắn lá; Rệp ngô;...

*Cây lâu năm:* Trong kỳ bà con nông dân các địa phương tập trung chăm sóc, bón phân, phun thuốc phòng trừ sâu bệnh và trồng mới các loại cây ăn quả, cây công nghiệp lâu năm như: Cam, quýt, chè...; thu hoạch Đào, lê, mận ở các huyện vùng cao; thu hoạch vải, dứa, thanh long ở các huyện vùng thấp và thu hoạch chè vụn hai. Sản lượng thanh long thu hoạch trong tháng đạt 230,9 tấn, lũy kế thu hoạch được 914,4 tấn, tăng 0,51% so với cùng kỳ năm trước. Sản lượng thu hoạch dứa đạt 135,5 tấn, so với cùng tháng năm trước tăng 1,35%; lũy kế thu hoạch 314,4 tấn, tăng 2,84% so với cùng kỳ. Sản lượng chè thu hoạch trong tháng đạt 9.966,8 tấn, tăng 0,13%; lũy kế thu hoạch được 59.634 tấn, tăng 1,41% so với cùng kỳ.

**b. Chăn nuôi :** Tháng 7/2024 dịch tả lợn Châu Phi tái phát tại 4 huyện (Xín Mần, thành phố Hà Giang, Quản Bạ và Bắc Mê), tổng số lợn tiêu hủy bắt buộc đến ngày 12/7/2024 là 815 con/93 hộ/13 thôn/07 xã/04 huyện, thành phố. Trọng lượng tiêu hủy 29.677,5 kg. Đàn gia súc, gia cầm còn lại được kiểm soát tốt, không phát sinh dịch bệnh, hoạt động chăn nuôi phát triển ổn định. Số lượng gia súc, gia cầm ước thời điểm cuối tháng 7/2024 như sau:

**Hình 2: Số lượng đàn gia súc, gia cầm tính đến 31/7/2024 (so với cùng kỳ)**



Đàn trâu 141.776 con, giảm 1,43%. Đàn trâu tiếp tục có xu hướng giảm do giá bán thấp, thời gian chăn nuôi dài, sản phẩm thịt trâu khó tiêu thụ nên chưa tạo được động lực cho người dân tái đầu tư, phát triển. Sản lượng thịt trâu giảm do việc xuất bán sang thị trường Trung Quốc hạn chế do xây dựng hàng rào biên giới, nhu cầu tiêu thụ trong nước không cao.

Đàn bò 124.185 con, tăng 4,65% do liên kết tiêu thụ sản phẩm với HTX nên đàn bò tại các huyện Quản Bạ, Vị Xuyên, Bắc Mê tăng cao. Chăn nuôi bò phát triển tốt tại 04 huyện vùng cao nguyên đá (Đồng Văn, Mèo Vạc, Yên Minh, Quản Bạ do nhu cầu tiêu thụ thịt bò trên thị trường tăng cao khi du lịch phát triển.

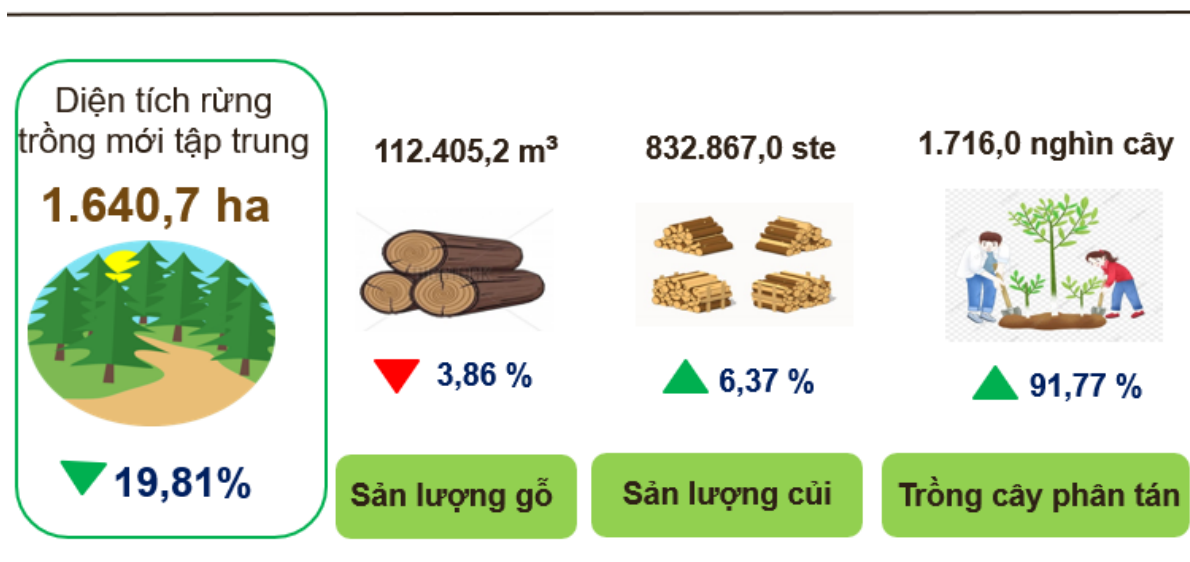
Đàn lợn và đàn gia cầm tiếp tục có xu hướng tăng so với cùng kỳ. Đàn lợn tại thời điểm cuối tháng 7/2024 ước 651.801 con, tăng 4,15% so với cùng kỳ năm trước; đàn gia cầm tại thời điểm cuối tháng 7/2024 ước 6.349,7 nghìn con, tăng 2,09% so với cùng kỳ.

Công tác tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm được duy trì. Các cấp, các ngành tăng cường chỉ đạo các địa phương và bà con nông dân chủ động phòng chống dịch bệnh nhằm duy trì tốc độ phát triển cho đàn gia súc, gia cầm. Trong tháng đã sử dụng là 259 lít hoá chất và 2.580 kg vôi bột để xử lý tiêu hủy và phun tiêu độc khử trùng chuồng trại chăn nuôi tại hộ có dịch và các hộ xung quanh. Lũy kế đã sử dụng 13.050 lít hóa chất và 13.673 kg vôi bột. Triển khai tiêm phòng vắc xin cho đàn gia súc được 25.124 lượt con gia súc. Lũy kế đến tháng 7/2024 tiêm được 480.992 lượt con (Tụ huyết trùng trâu bò 30.848 con, Lở mồm long móng 223.613 con, Tụ huyết trùng lợn 113.854 con, Dịch tả lợn cổ điển 74.420 con, dại chó 38.257 con). Kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh thú ý được 4.062 con gia súc. Lũy kế đến tháng 7/2024 toàn tỉnh thực hiện KSGM, KTVSTY được 24.236 con (trâu 210 con, bò 409 con, ngựa 6 con, lợn 22.966 con, gia cầm 1.270 con).

## 1.2. Lâm nghiệp

Hoạt động sản xuất lâm nghiệp trong tháng 7/2024 nhìn chung ổn định. Công tác trồng rừng tập trung tiếp tục được triển khai, tuy vậy diện tích trồng rừng tập trung tiếp tục giảm so với cùng kỳ do quỹ đất trồng rừng bị thu hẹp. Diện tích rừng trồng tập trung tháng 7/2024 ước đạt 40,7 ha, lũy kế 7 tháng đầu năm 2024 đạt 1.640,7 ha, giảm 19,81% (-405,3 ha) so với cùng kỳ. Trồng cây phân tán trong tháng 7/2024 đạt 446,9 nghìn cây, lũy kế 7 tháng năm 2024 số cây phân tán toàn tỉnh trồng được 1.716 nghìn cây các loại, tăng 821,2 nghìn cây so với cùng kỳ năm trước. Số cây trồng phân tán tăng cao do các huyện Bắc Quang, Quang Bình, Vị Xuyên trồng keo, quế, giang trên diện tích cam, chè bị suy thoái có diện tích dưới 0,3 ha chưa đủ điều kiện tính diện tích trồng tập trung.

**Hình 3: Hoạt động sản xuất lâm nghiệp 7 tháng đầu năm 2024 (so với cùng kỳ năm trước)**



Sản lượng gỗ khai thác tháng 7/2024 đạt 16.200,7 m<sup>3</sup>, tăng 318,3 m<sup>3</sup> so với cùng kỳ; ước sản lượng gỗ khai thác 7 tháng năm 2024 đạt 112.405,2 m<sup>3</sup>, giảm 4.510,4 m<sup>3</sup> so với cùng kỳ. Sản lượng gỗ giảm chủ yếu tại huyện Yên Minh, Bắc Mê. Sản lượng củi khai thác trong tháng đạt 105.043 ste, giảm 3,94 ste, do trong tháng liên tục mưa lớn, người dân hạn chế lên rừng thu nhặt củi. Lũy kế sản lượng củi 7 tháng năm 2024 đạt 832.867 ste, tăng 6,37% do sản lượng củi 6 tháng đầu năm tăng cao tại các huyện Quản Bạ, Xín Mần, Bắc Mê.

\* *Công tác quản lý, bảo vệ rừng*: Trong tháng không xảy ra cháy rừng, lũy kế đến ngày 15/7/2024, toàn tỉnh xảy ra 12 vụ cháy rừng, giảm 04 vụ so với cùng kỳ năm 2023, diện tích bị cháy 23,5 ha. Diện tích rừng bị cháy trong 7 tháng đầu năm giảm so với cùng kỳ năm trước do năm 2024 thời tiết mưa nhiều hơn, độ ẩm không khí cao, nguy cơ cháy rừng thấp hơn so với năm trước. Lực lượng Kiểm lâm và các ngành chức năng đã phát hiện 13 vụ vi phạm pháp luật về lâm nghiệp (khai thác rừng trái pháp luật 01 vụ; phá rừng 02 vụ; lấn chiếm rừng 03 vụ; vận chuyển lâm sản trái pháp luật 01 vụ; tàng trữ lâm sản trái pháp luật 04 vụ; vi phạm các quy định về quản lý động vật hoang dã 02 vụ). Đã xử lý 09 vụ (Khởi tố hình sự 01 vụ; xử lý hành chính 08 vụ); tịch thu 1,3 m<sup>3</sup> gỗ các loại; thu nộp ngân sách Nhà nước 118,5 triệu đồng.

### **1.3. Thủy sản**

Hoạt động sản xuất thủy sản trong tháng 7 và 7 tháng đầu năm 2024 được duy trì ổn định, những giống thủy sản có giá trị kinh tế cao cũng được người dân đưa vào nuôi trồng như cá bống, cá tầm, cá lăng, cá quả... góp phần nâng cao hiệu quả kinh tế từ nuôi trồng thủy sản. Đặc biệt các mô trình nuôi tôm, lươn, ốc, ếch tại huyện Bắc Quang và Vị Xuyên phát triển giúp tăng cao sản lượng thu hoạch tôm và thủy sản khác.

Tổng sản lượng thủy sản khai thác và nuôi trồng tháng 7/2024 ước đạt 204,7 tấn, tăng 4,07% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Sản lượng thủy sản khai thác 26,1 tấn, tăng 6,36%; sản lượng thủy sản nuôi trồng ước 178,6 tấn, tăng 3,75%. Lũy kế 7 tháng năm 2024 tổng sản lượng thủy sản đạt 1.639,1 tấn, tăng 4,17%, trong đó: sản lượng khai thác 101,2 tấn, tăng 3,52%; sản lượng nuôi trồng 1.537,9 tấn, tăng 4,21%.

### **2. Công nghiệp**

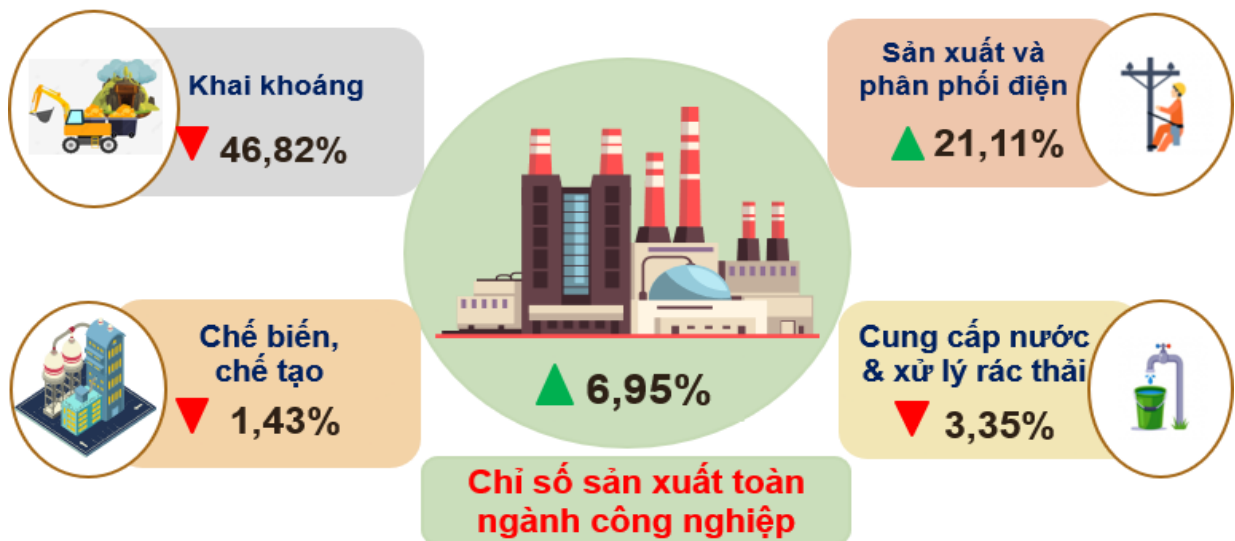
Sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh tiếp tục duy trì và đạt kết quả tăng khá, các cơ sở sản xuất trong lĩnh vực công nghiệp hoạt động ổn định, một số sản phẩm công nghiệp sản lượng sản xuất trong tháng tăng so với tháng trước như ván ép; bột giấy; sản phẩm in khác; các sản phẩm bằng vật liệu tét bện;.... Bên cạnh đó, thời tiết trong tháng có mưa nhiều, lưu lượng nước tại các lòng hồ thủy điện tăng cao các nhà máy thủy điện tăng công suất hoạt động đã tác động mạnh đến chỉ số sản xuất công nghiệp trong tháng.

## 2.1. Chỉ số sản xuất công nghiệp

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tháng 7/2024 tăng 60,24% so với tháng trước, tăng 28,96% so với tháng cùng kỳ, chỉ số cộng dồn 7 tháng đầu năm 2024 so với cùng kỳ tăng 6,95%. Chỉ số sản xuất công nghiệp chia theo ngành công nghiệp cấp I trên địa bàn tỉnh tháng 7 và 7 tháng đầu năm 2024 như sau:

- Chỉ số sản xuất ngành công nghiệp khai khoáng so với tháng trước tăng 13,83%, so với tháng cùng kỳ tăng 1,97%. Chỉ số cộng dồn 7 tháng đầu năm 2024 giảm 46,82% so với cùng kỳ (nguyên nhân chủ yếu làm chỉ số giảm mạnh so với cùng kỳ do thị trường tiêu thụ chưa ổn định nên Công ty cổ phần đầu tư khoáng sản An Thông hiện đang sản xuất cầm chừng).

**Hình 4: Chỉ số sản xuất công nghiệp 7 tháng đầu năm 2024 (so với cùng kỳ năm trước)**



- Chỉ số sản xuất ngành công nghiệp chế biến chế tạo so với tháng trước tăng 7,17%; so với tháng cùng kỳ giảm 3,44%. Chỉ số cộng dồn 7 tháng đầu năm 2024 giảm 1,43% so với cùng kỳ.

- Chỉ số sản xuất ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt so với tháng trước tăng 82,32%; so với tháng cùng kỳ tăng 40,26%. Chỉ số cộng dồn 7 tháng đầu năm 2024 tăng 21,11% (chỉ số tháng 7 và chỉ số cộng dồn 7 tháng tăng cao so với cùng kỳ do năm trước ảnh hưởng của khí hậu El Nino, thời tiết khô hạn, các nhà máy hoạt động dưới công suất).

- Chỉ số sản xuất ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải so với tháng trước giảm 0,13%; so với tháng cùng kỳ tăng 1,17%. Chỉ số cộng dồn 7 tháng đầu năm 2024 giảm 3,35% so với cùng kỳ.

## 6.2. Giá trị sản xuất ngành công nghiệp

Giá trị sản xuất công nghiệp tháng 7/2024 (theo giá so sánh) ước 583,5 tỷ đồng, so với tháng trước tăng 38,15% (+161,1 tỷ đồng), so với tháng cùng kỳ tăng

19,48% (+95,1 tỷ đồng). Giá trị sản xuất công nghiệp theo giá so sánh 7 tháng đầu năm 2024 ước đạt 2.489,8 tỷ đồng, tăng 2,63% so với cùng kỳ (+63,9 tỷ đồng).

Giá trị sản xuất công nghiệp theo giá thực tế thực hiện tháng 7/2024 ước đạt 1.126,2 tỷ đồng, tăng 46,37% so với tháng trước (+356,8 tỷ đồng) và tăng 26,30% so với cùng kỳ (+234,5 tỷ đồng). Giá trị sản xuất công nghiệp theo giá thực tế 7 tháng đầu năm 2024 ước đạt 4.607,8 tỷ đồng, tăng 4,18% so với cùng kỳ (+184,7 tỷ đồng).

### **6.3. Kết quả thực hiện đối với sản phẩm công nghiệp chủ yếu**

- Quặng sắt: Sản lượng tinh quặng sắt tháng 7/2024 ước đạt 14.048 tấn; tăng 11,05% (+1.398 tấn) so với tháng trước; so với tháng cùng kỳ giảm 9,06% (-1.398 tấn); cộng dồn đến hết tháng 7/2024 sản lượng quặng khai thác ước đạt 67.444 tấn, giảm 69,83% so với cùng kỳ (-156.105 tấn<sup>1</sup>).

- Ván ép: Sản lượng sản xuất tháng 7/2024 ước đạt 3.000 m<sup>3</sup>, so với tháng trước tăng 21,9%<sup>2</sup> (+539 m<sup>3</sup>); so với tháng cùng kỳ giảm 35,33% (-1.639 m<sup>3</sup>); cộng dồn đến hết tháng 7/2024 sản lượng sản xuất ước đạt 26.207 m<sup>3</sup>, tăng 5,94% so với cùng kỳ năm trước (+ 1.470 m<sup>3</sup>).

- Bột giấy: Sản lượng sản xuất tháng 7/2024 ước đạt 214 tấn, so với tháng trước tăng 11,11% (+21 tấn); so với tháng cùng kỳ giảm 9,09% (-22 tấn); cộng dồn đến hết tháng 7/2024 sản lượng sản xuất ước đạt 1.447 tấn, giảm 27,73% so với cùng kỳ (-555 tấn<sup>3</sup>).

- Điện sản xuất tháng 7/2024 ước đạt 485 triệu Kwh, so với tháng trước tăng 85,91% (+224 triệu Kwh); so với tháng cùng kỳ tăng 40,66% (+140 triệu Kwh); cộng dồn đến hết tháng 7/2024 sản lượng điện sản xuất ước đạt 1.335 triệu Kwh, tăng 22,25% so với cùng kỳ (+243 triệu Kwh).

- Điện thương phẩm tháng 7/2024 ước đạt 60 triệu Kwh, so với tháng trước tăng 11,05% (+6,0 triệu Kwh); so với tháng cùng kỳ tăng 28,11% (+13 triệu Kwh); cộng dồn đến hết tháng 7/2024 sản lượng điện thương phẩm ước đạt 334 triệu Kwh, tăng 5,04% so với cùng kỳ (+16 triệu Kwh).

- Nước máy sản xuất tháng 7/2024 ước đạt 324 nghìn m<sup>3</sup>, so với tháng trước tăng 0,07% (+ 1,0 nghìn m<sup>3</sup>); so với tháng cùng kỳ tăng 1,11% (+4 nghìn m<sup>3</sup>); cộng dồn đến hết tháng 7/2024 nước máy sản xuất ước đạt 2.114 nghìn m<sup>3</sup>, giảm 4,61%<sup>4</sup> so với cùng kỳ (-103 nghìn m<sup>3</sup>).

<sup>1</sup> Hiện nay Công ty cổ phần đầu tư khoáng sản An Thông đã có kế hoạch hoạt động sản xuất trở lại tuy nhiên DN đang hoạt động cầm chừng do thị trường tiêu thụ chưa ổn định.

<sup>2</sup> Sản lượng ván ép tháng 7 tăng so với tháng trước do Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Thái Hoàng đã bắt đầu hoạt động ổn định trở lại. Tuy nhiên đơn hàng chưa nhiều nên sản lượng sản xuất giảm so với cùng kỳ năm trước.

<sup>3</sup> Sản lượng bột giấy 5 tháng đầu năm giảm so với cùng kỳ năm trước do Công ty cổ phần Hải Hà đơn đặt hàng ít, tiêu thụ chậm, hàng tồn nhiều.

<sup>4</sup> Sản lượng nước giảm so với cùng kỳ năm trước do Công ty cổ phần cấp thoát nước Hà Giang đã giảm được tỷ lệ thất thoát nước do đường ống dẫn nước đã được sửa chữa lại sau quá trình chỉnh trang đô thị.

#### **6.4. Chỉ số sử dụng lao động**

Ước lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp tính đến thời điểm 31/7/2024 giảm 0,45% so với tháng trước; so với cùng thời điểm năm trước giảm 1,74%; trong đó: Lao động đang làm việc trong khu vực doanh nghiệp nhà nước ổn định so với tháng trước; so với cùng kỳ năm trước giảm 0,70%. Lao động đang làm việc trong khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước giảm 0,81% so với tháng trước và giảm 5,32% so với cùng kỳ. Số lao động đang làm việc trong doanh nghiệp so với tháng trước có lao động ngành khai khoáng và lao động ngành cung cấp nước ổn định; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo giảm 1,1%; lao động ngành sản xuất, phân phối điện giảm 0,07%. Nếu so với thời điểm 31/7/2023 lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp ngành khai khoáng giảm 13,35%; ngành công nghiệp chế biến chế tạo giảm 1,32%; ngành sản xuất điện, phân phối điện năng tăng 1,77%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải giảm 1,43%.

#### **3. Tình hình đăng ký doanh nghiệp**

Trong tháng từ 18/6/2024 đến 19/7/2024 cơ quan chức năng trả kết quả cho 112 lượt doanh nghiệp và ĐVTT, hồ sơ đăng ký Online đạt 100%, gồm 18 doanh nghiệp (02 công ty cổ phần, 04 Công ty TNHH 2 TV trở lên; 12 Công ty TNHH 1 TV) với số vốn đăng ký 84,6 tỷ đồng và 13 đơn vị trực thuộc (chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh). Có 67 doanh nghiệp thông báo thay đổi; có 12 doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn; 02 doanh nghiệp giải thể; 09 doanh nghiệp chuyển đổi loại hình.

Tính đến ngày 19/7/2024 trên địa toàn tỉnh có 4.113 doanh nghiệp, đơn vị thường trú, gồm: 2.836 doanh nghiệp (589 Công ty cổ phần, 1.433 Công ty TNHH 1 thành viên, 728 Công ty TNHH 2 thành viên, 86 doanh nghiệp tư nhân) với tổng vốn đăng ký 37.685,9 tỷ đồng và 1.277 đơn vị trực thuộc. Số doanh nghiệp và đơn vị trực thuộc đang hoạt động là 2.952 đã góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đóng góp đáng kể vào ngân sách và tạo việc làm cho lao động tại địa phương.

#### **4. Thực hiện vốn đầu tư**

Thực hiện vốn đầu tư phát triển thuộc nguồn vốn nhà nước do địa phương quản lý tháng 7/2024 ước đạt 420,1 tỷ đồng, tăng 0,80% so với tháng trước và giảm 25,07% so với cùng kỳ năm trước (-140,5 tỷ đồng). Trong đó: vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh đạt 245,1 tỷ đồng, chiếm 58,60%; vốn ngân sách nhà nước cấp huyện đạt 167,6 tỷ đồng, chiếm 39,90%; vốn ngân sách nhà nước cấp xã đạt 6,5 tỷ đồng, chiếm 1,60% trong tổng vốn đầu tư.

Trong tháng 7/2024 mặc dù thời tiết mưa nhiều phần nào ảnh hưởng tới tiến độ thi công các công trình thuộc lĩnh vực giao thông, xây dựng từ đó ảnh hưởng tới tiến độ giải ngân vốn đầu tư công. Tuy có những khó khăn nhưng với sự chỉ



đạo sát sao từ cấp tỉnh đến các địa phương nhằm tháo gỡ trong quá trình giải ngân các nguồn vốn, đặc biệt chỉ đạo các cấp ngành và địa phương kịp thời nắm bắt, giải quyết dứt điểm những khó khăn vướng mắc trong công tác đền bù GPMB, đất đai, tài nguyên, vật liệu xây dựng... Cân đối, bố trí nguồn vốn cho các công trình chuyên tiếp và khởi công mới đúng tiến độ; rà soát, kịp thời đề xuất phương án điều chuyển kế hoạch vốn giữa các công trình dự án chậm giải ngân sang công trình dự án có tiến độ giải ngân tốt, còn thiếu vốn. Đồng thời thanh quyết toán các công trình hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng; đẩy nhanh tiến độ thực hiện các thủ tục, hồ sơ, tạo điều kiện thuận lợi cho nhà thầu, các đơn vị thi công đẩy nhanh tiến độ, nhất là các công trình, dự án có tổng mức đầu tư lớn. Do đó kết quả thực hiện vốn tháng 7/2024 tiếp tục tăng so với tháng trước. Tuy nhiên so với cùng kỳ, thực hiện vốn trong kỳ giảm do kế hoạch nguồn vốn được giao trong năm giảm, cùng với thời tiết đang là mùa mưa ảnh hưởng đến tiến độ thi công công trình.

Tổng vốn đầu tư thực hiện thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước lũy kế đến hết tháng 07/2024 ước đạt 2.725,4 tỷ đồng, đạt 53,68% so với kế hoạch; giảm 20,0% so với cùng kỳ (-680,6 tỷ đồng). Trong đó: Vốn NSNN cấp tỉnh 1.586,4 tỷ đồng, giảm 27,51% so với cùng kỳ; Vốn NSNN cấp huyện 1.104,6 tỷ đồng, giảm 4,29% so với cùng kỳ; Vốn NSNN cấp xã 34,5 tỷ đồng, giảm 45,69% so với cùng kỳ. Kết quả thực hiện vốn đầu tư công lũy kế đến hết tháng 7/2024 giảm 20,0% so với cùng kỳ do kế hoạch đầu tư vốn thuộc nguồn NSNN được giao năm 2024 giảm 25,5% so với năm 2023 (giảm 1.739,3 tỷ đồng). Giá trị vốn đầu tư thực hiện trong 7 tháng chủ yếu tập trung ở những công trình chuyên tiếp có giá trị lớn thuộc các lĩnh vực phục hồi và phát triển kinh tế, chương trình mục tiêu quốc gia; phục vụ sản xuất và đời sống; xây dựng cụm hồ cấp nước sinh hoạt ở 4 huyện vùng cao núi đá; ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội; xây dựng chính quyền điện tử đô thị thông minh, khắc phục hậu quả thiên tai;...

\* *Tình hình thực hiện và thanh toán vốn đầu tư công*: Theo báo cáo của Kho bạc Nhà nước tỉnh Hà Giang tính đến ngày 15/7/2024, tỷ lệ giải ngân các nguồn vốn đầu tư công chung toàn tỉnh đạt 31,80% so với kế hoạch, chi tiết giải ngân theo nguồn vốn như sau cụ thể:

- Nguồn vốn đầu tư kế hoạch 2024 giải ngân đạt 33,8% kế hoạch trung ương giao và đạt 33,4% kế hoạch địa phương giao. Trong đó, nguồn vốn đầu tư trong cân đối đạt 36,7% kế hoạch trung ương giao và đạt 35,5% kế hoạch địa phương giao; nguồn vốn ngân sách Trung ương đạt 28,1% kế hoạch trung ương giao và đạt 28,1% kế hoạch địa phương giao; nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia đạt 36,5% kế hoạch trung ương giao và đạt 36,0% kế hoạch địa phương giao.

- Vốn chuyển nguồn từ 2023 sang 2024 đạt 15,0% kế hoạch trung ương giao và 25,5% kế hoạch địa phương giao.

## 5. Hoạt động huy động vốn và tín dụng

Trong tháng các TCTD thực hiện nghiêm các quy định của NHNN về lãi suất, về cơ bản mặt bằng lãi suất huy động và cho vay của các TCTD giảm (giảm trong khoảng từ 0,2 đến 0,3%/năm) so với cuối năm 2023. Lãi suất tiền gửi bình quân của các TCTD ở mức khoảng 4,3%/năm, lãi suất cho vay bình quân VNĐ ở mức khoảng 8,8%/năm. Tổng nguồn vốn huy động của các TCTD trên địa bàn ước đến 31/7/2024 đạt 32.885 tỷ đồng, trong đó nguồn vốn huy động tại địa phương ước đạt 19.797 tỷ đồng; so với tháng trước tăng 182 tỷ đồng, tỷ lệ tăng 0,9%; so với thời điểm 31/12/2023 tăng 278 tỷ đồng, tỷ lệ tăng 1,4%; so với cùng kỳ năm trước tăng 2.553 tỷ đồng, tỷ lệ tăng 14,8%. Doanh số huy động được trong tháng ước thực hiện 26.376 tỷ đồng, so với tháng trước tăng 1.033 tỷ đồng, tỷ lệ tăng 4,1%. Doanh số chi trả cho khách hàng ước thực hiện 26.194 tỷ đồng, so với tháng trước tăng 1.053 tỷ đồng; tỷ lệ tăng 4,2%.

Tổng dư nợ tín dụng đến 31/7/2024 ước đạt 29.655 tỷ đồng, so với tháng trước tăng 225 tỷ đồng, tỷ lệ tăng 0,8%; so với 31/12/2023 tăng 127 tỷ đồng, tỷ lệ tăng 0,4%; so với cùng kỳ năm trước tăng 1.571 tỷ đồng, tỷ lệ tăng 5,6%. Doanh số cho vay trong tháng ước đạt 3.487 tỷ đồng, so với tháng trước tăng 470 tỷ đồng, tỷ lệ tăng 15,6%. Doanh số thu nợ ước thực hiện 3.262 tỷ đồng, so với tháng trước tăng 141 tỷ đồng, tỷ lệ tăng 4,5%.

Nợ xấu toàn địa bàn đến hết tháng 7/2024 ước 299,3 tỷ đồng chiếm 1,01%/ tổng dư nợ, so với tháng trước tỷ lệ nợ xấu giảm 0,07 điểm %; so với thời điểm 31/12/2023 tỷ lệ nợ xấu tăng 0,25 điểm %.

## 6. Thu, chi ngân sách

Tổng thu ngân sách nhà nước tháng 7 năm 2024 ước đạt 1.561 tỷ đồng, tăng 4,07% so với cùng kỳ. Trong đó thu ngân sách nhà nước trên địa bàn ước đạt 222,1 tỷ đồng, chiếm 14,23% tổng thu ngân sách, tăng 36,93% so với cùng kỳ và thu bổ sung từ ngân sách trung ương 1.337,5 tỷ đồng chiếm 85,68% tổng thu, giảm 0,04% so với cùng kỳ. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn 7 tháng đầu năm 2024 ước đạt 15.081,6 tỷ đồng, bằng 79,13% kế hoạch tình giao và tăng 6,87% so với cùng kỳ năm trước; trong đó: Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn ước đạt 1.314,4 tỷ đồng bằng 53,40% dự toán và tăng 37,65% so với cùng kỳ (thu nội địa 1.186,4 tỷ đồng, bằng 51,70% dự toán và tăng 40,23%; thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu 125 tỷ đồng, bằng 91,90% dự toán và tăng 18,09%; thu viện trợ, huy động, đóng góp 3 tỷ đồng, đạt tương đương so với cùng kỳ) và thu bổ sung từ ngân sách trung ương ước đạt 9.337,6 tỷ đồng, đạt 56,80% dự toán, giảm 0,22% so với cùng năm trước.

Tổng chi ngân sách nhà nước địa phương tháng 7 năm 2024 ước đạt 2.195,8 tỷ đồng, trong đó chi đầu tư phát triển 95,4 tỷ đồng, chiếm 4,35% tổng chi ngân sách; chi thường xuyên 1.184,7 tỷ đồng, chiếm 53,95% tổng chi. Tổng chi ngân

sách địa phương 7 tháng đầu năm 2024 ước đạt 11.886 tỷ đồng, bằng 51,40% dự toán địa phương và tăng 24,23% so với cùng kỳ năm trước; trong đó chi đầu tư phát triển 2.100,6 tỷ đồng, tăng 12,96%; chi thường xuyên 6.940,5 tỷ đồng, tăng 21,28% so với cùng kỳ năm 2023.

## 7. Các hoạt động dịch vụ

**7.1. Vận tải:** Trong tháng 07/2024, Hà Giang hứng chịu thiệt hại do mưa lớn kéo dài, lũ quét và sạt lở đất đá khiến nhiều tuyến đường giao thông tắc nghẽn và hư hại, ảnh hưởng tới khả năng lưu thông của các phương tiện. Vận chuyển hàng hóa khó khăn, lượng khách du lịch giảm do thời tiết xấu tác động khiến doanh thu vận tải giảm so với tháng trước.

Doanh thu vận tải và dịch vụ kho bãi tháng 7/2024 ước đạt 77,1 tỷ đồng, giảm 1,63% so với tháng trước và tăng 13,44% so với cùng kỳ. Trong đó: Doanh thu vận tải hành khách 27,7 tỷ đồng, giảm 2,32% so với tháng trước, tăng 8,76% so với cùng kỳ; doanh thu vận tải hàng hóa 48,4 tỷ đồng, giảm 1,12% so với tháng trước, tăng 16,22% so với cùng kỳ; dịch vụ kho bãi hỗ trợ vận tải 0,8 tỷ đồng, giảm 8,03% so với tháng trước và tăng 23,46% so với cùng kỳ; doanh thu dịch vụ bưu chính chuyên phát 0,2 tỷ đồng, giảm 2,87% so với tháng trước và tăng 1,1% so với cùng kỳ.

Doanh thu vận tải và dịch vụ kho bãi 7 tháng đầu năm 2024 ước đạt 554,9 tỷ đồng, tăng 19,66% so với cùng kỳ. Trong đó: Doanh thu vận tải hành khách ước đạt 203,6 tỷ đồng, tăng 17,78%; doanh thu vận tải hàng hóa ước đạt 342,6 tỷ đồng, tăng 20,65%; doanh thu hoạt động kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải ước đạt 6,9 tỷ đồng, tăng 29,03%; doanh thu hoạt động bưu chính, chuyên phát ước đạt 1,8 tỷ đồng, tăng 17,45% so với cùng kỳ.

**Hình 5: Khối lượng vận tải hành khách, hàng hóa 7 tháng năm 2024 (so với cùng kỳ)**



Khối lượng hành khách vận chuyển tháng 7/2024 ước đạt 327,6 nghìn người, giảm 1,36% so với tháng trước và tăng 6,49% so với tháng cùng kỳ; khối lượng hành khách luân chuyển ước đạt 48.914 nghìn người/km, giảm 2,82% so với tháng trước và tăng 4,2% so với cùng kỳ năm trước. Lũy kế 7 tháng đầu năm khối lượng hành khách vận chuyển đạt 2.333 nghìn người, tăng 16,10% so với cùng kỳ năm trước. Khối lượng hành khách luân chuyển ước đạt 311.754 nghìn người/km, tăng 17,09% so với cùng kỳ năm trước.

Khối lượng hàng hoá vận chuyển tháng 7/2024 ước đạt 316,6 nghìn tấn, giảm 0,91% so với tháng trước và tăng 16,21% so với tháng cùng kỳ; khối lượng hàng hóa luân chuyển ước đạt 14.381 nghìn tấn/km, giảm 1,03% so với tháng trước và tăng 16,78% so với tháng cùng kỳ. Lũy kế 7 tháng đầu năm khối lượng hàng hoá vận chuyển đạt 2.264,7 nghìn tấn, tăng 21,81% so với cùng kỳ; khối lượng hàng hóa luân chuyển ước đạt 101.099 nghìn tấn/km, so với cùng kỳ năm trước tăng 21,49% so với cùng kỳ.

## 7.2. Thương mại, giá cả

Tháng 7/2024 tình hình sản xuất kinh doanh trên địa bàn ổn định. Giá cả các mặt hàng biến động tăng đối với một số hàng hóa thiết yếu do Chính phủ chính thức điều chỉnh lương cơ bản tăng 30% và điều chỉnh mức lương hưu và trợ cấp xã hội tăng 15% từ 01/7/2024, góp phần cải thiện đời sống người hưởng lương và các đối tượng hưởng chế độ trợ cấp và các chính sách hỗ trợ làm tăng sức tiêu dùng trong dân. Tuy nhiên do thời tiết trong tháng mưa nhiều dẫn đến lượng khách du lịch đến Hà Giang giảm so với tháng trước, tác động làm giảm doanh thu đối với các hoạt động thương mại, dịch vụ và vận tải so với tháng trước.

**Hình 6: Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng 7 tháng năm 2024 (so với cùng kỳ)**



Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trên địa bàn tỉnh tháng 7 năm 2024 ước đạt 1.515,5 tỷ đồng, giảm 0,85% so với tháng trước và tăng 13,81% so với tháng cùng kỳ. Tính chung 7 tháng đầu năm 2024 tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 10.920,6 tỷ đồng, tăng 18,46% so với cùng kỳ, trong đó:

- Doanh thu bán lẻ hàng hóa ước đạt 1.216,0 tỷ đồng (chiếm 80,24% tổng doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng), giảm 0,7% so với tháng trước và tăng 12,88% so với cùng kỳ, trong 12 nhóm ngành hàng, có 06 nhóm có chỉ số tăng so với tháng trước và so với tháng cùng kỳ<sup>5</sup>. Tính chung 7 tháng đầu năm 2024 doanh thu bán lẻ hàng hóa ước đạt 8.625,9 tỷ đồng, tăng 17,67% so với cùng kỳ. Một số nhóm ngành hàng có doanh thu bán lẻ tăng cao so với cùng kỳ như: Nhóm phương tiện 237,79 tỷ đồng, tăng 36,9%; nhóm đá quý, kim loại 17,66 tỷ đồng, tăng 56,9%<sup>6</sup>; nhóm đồ dùng dụng cụ gia đình 877,7 tỷ đồng, tăng 20,1%; nhóm văn hóa vật phẩm 131,49 tỷ đồng, tăng 28,6%; nhóm hàng hóa khác 281,85 tỷ đồng, tăng 18,5%;...

- Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống và du lịch tháng 7/2024 ước đạt 218,4 tỷ đồng, giảm 1,52% so với tháng trước và tăng 19,36% so với cùng kỳ. Trong đó: Doanh thu dịch vụ lưu trú ước đạt 21,4 tỷ đồng, giảm 3,52% so với tháng trước và tăng 19,83% so với cùng kỳ; Doanh thu dịch vụ ăn uống ước đạt 195,3 tỷ đồng, giảm 1,31% so với tháng trước và tăng 19,50% so với cùng kỳ; Doanh thu dịch vụ lữ hành đạt 1,7 tỷ đồng, giảm 0,19% so với tháng trước và tăng 0,46% so với cùng kỳ. Tính chung 7 tháng đầu năm 2023 doanh thu dịch vụ lưu trú ước đạt 1.720,4 tỷ đồng, tăng 22,36% so với cùng kỳ; trong đó: Doanh thu dịch vụ lưu trú ước 175,3 tỷ đồng, tăng 27,49% so với cùng kỳ; doanh thu dịch vụ ăn uống ước 1.528,6 tỷ đồng, tăng 21,72% so với cùng kỳ; doanh thu dịch vụ lữ hành ước 16,5 tỷ đồng, tăng 29,69% so với cùng kỳ.

- Doanh thu hoạt động dịch vụ khác tháng 7/2024 ước đạt 81,1 tỷ đồng, giảm 1,18% so với tháng trước và tăng 13,64% so với cùng kỳ<sup>7</sup>. Tính chung 7

---

<sup>5</sup> Nhóm hàng lương thực, thực phẩm tăng 1,7% so với tháng trước và tăng 17,5% so với tháng cùng kỳ; nhóm hàng may mặc có mức tăng, giảm tương ứng (+0,1%) và (+1,0%); nhóm đồ dùng, dụng cụ, thiết bị gia đình (+1,7%) và (+18,0%); nhóm vật phẩm văn hóa giáo dục (+0,7%) và (+4,0%); nhóm gỗ và vật liệu xây dựng (-2,7%) và (+4,7%); nhóm ô tô con dưới 9 chỗ ngồi (+1,5) và (+9,1%); nhóm phương tiện đi lại (-2,4%) và (+20,8%); nhóm xăng, dầu các loại (-2,9%) và (+21,8%); nhóm nhiên liệu khác (-3,2%) và (+2,0%); nhóm đá quý, kim loại quý (-1,8%) và (+3,3%); nhóm hàng hóa khác (-14,6%) và (+1,9%); nhóm sửa chữa xe có động cơ, xe ô tô, mô tô khác (+2,4%) và (+27,6%).

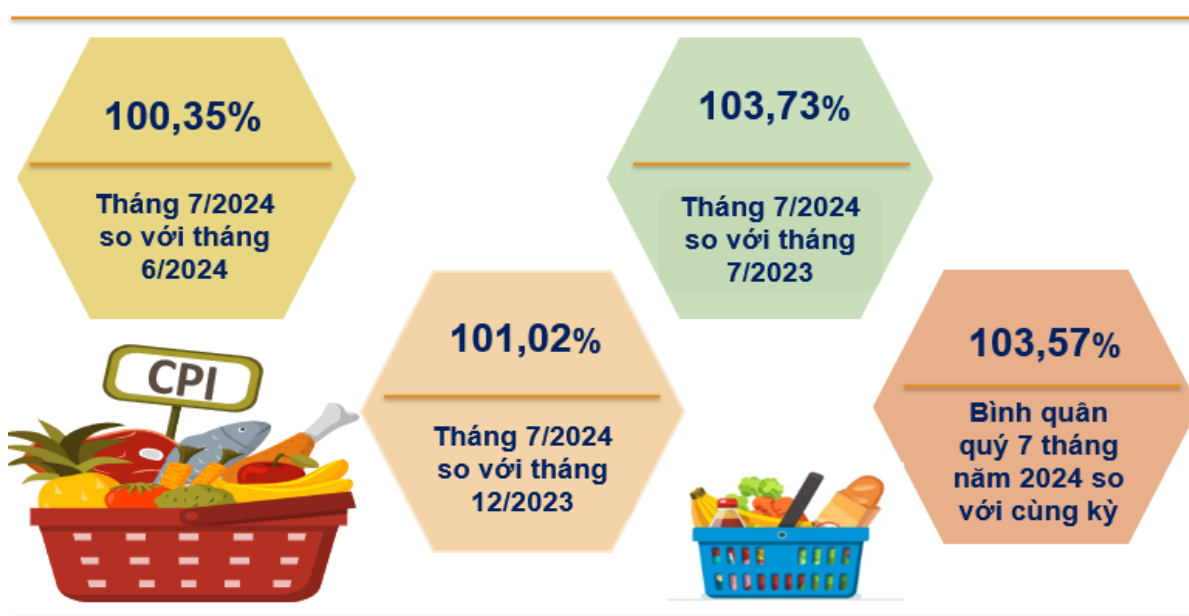
<sup>6</sup> Trong năm 2024, đặc biệt là trong tháng 5, 6, 7: giá vàng liên tục biến động đã kích thích các nhà đầu tư trong lĩnh vực này, tác động làm doanh thu nhóm ngành này tăng cao so với cùng kỳ.

<sup>7</sup> Trong đó: Dịch vụ kinh doanh bất động sản 4,63 tỷ đồng, tăng 9,7% so với tháng trước và tăng 47,4%<sup>7</sup> so với cùng kỳ; dịch vụ hành chính hỗ trợ 4,85 tỷ đồng, giảm 4,9% so với tháng trước và tăng 40,2%<sup>7</sup> so với cùng kỳ; dịch vụ y tế và trợ

tháng đầu năm 2024 doanh thu hoạt động dịch vụ khác ước đạt 574,3 tỷ đồng, tăng 19,11% so với cùng kỳ. Một số nhóm dịch vụ có tốc độ tăng cao như: dịch vụ kinh doanh bất động sản ước đạt 31,59 tỷ đồng, tăng 77,1%; dịch vụ hành chính hỗ trợ ước 38,44 tỷ đồng, tăng 43,3%; dịch vụ giáo dục đào tạo 16,9 tỷ đồng, tăng 63,4%; dịch vụ khác ước 125,23 tỷ đồng, tăng 31,4%;...

\* *Tình hình giá cả:* Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) chung toàn tỉnh tháng 7/2024 tăng 0,35% so với tháng trước, tăng 1,02% so với tháng 12 năm trước, tăng 3,73% so với cùng kỳ và tăng 11,89% so với kỳ gốc 2019. Bình quân 7 tháng đầu năm chỉ số giá tiêu dùng tăng 3,57%.

**Hình 7: Chỉ số giá (CPI) tháng 7 năm 2024**



Trong 11 nhóm hàng hóa có 07 nhóm hàng hóa có chỉ số tăng, 02 nhóm hàng hóa có chỉ số giảm và 02 nhóm hàng giữ mức ổn định so với tháng trước, cụ thể như sau: Hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,39% chủ yếu do giá thực phẩm thịt gia súc, thịt gia cầm, trứng, rau tăng; Đồ uống và thuốc lá tăng 0,11% chủ yếu do giá nước quả ép tăng 0,56%; giá rượu mạnh tăng 0,5%; May mặc mũ nón, giày dép tăng 0,16% chủ yếu do giá dịch vụ may mặc, mũ nón, giày dép tăng và thời tiết nắng nóng, nhu cầu mua sắm quần áo mùa Hè tăng; Nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 0,42% chủ yếu do giá điện và dịch vụ điện tăng 1,93%; giá nước sinh hoạt và dịch vụ khác liên quan đến nhà ở tăng 1,38%; giá nhà ở tăng 0,02%; Giao thông tăng 1,08% chủ yếu do giá nhiên liệu tăng 3,68%; Bưu bưu chính viễn thông tăng 0,2% chủ yếu do giá thiết bị điện thoại tăng 0,73%; Hàng hóa và dịch vụ khác tăng 0,78% chủ yếu do giá bảo hiểm y tế tăng sau khi lương tăng lương cơ sở. Nhóm hàng hóa có chỉ số giảm so với tháng trước là nhóm thiết bị và đồ dùng

giúp xã hội 19,82 tỷ đồng, có mức tăng, giảm tương ứng (+1,5%) và (+15,6 %); dịch vụ khác 16,76 tỷ đồng, (-3,0%) và (+30,1%); dịch vụ giáo dục đào tạo 1,85 tỷ đồng, (-10,6%) và (+ 56,9%) ...

gia đình giảm 0,14% do các cửa hàng điện tử, điện lạnh thực hiện các chương trình khuyến mãi nhằm kích thích nhu cầu tiêu dùng của người dân; nhóm văn hóa, giải trí và du lịch giảm 0,41% chủ yếu do giá thiết bị văn hóa giảm 0,94%, giá thể thao và giải trí khác giảm 0,35%.

Chỉ số giá vàng so với tháng trước tăng 1,93%; so với tháng 12 năm trước tăng 24,0%; so với cùng kỳ tăng 35,60%; so với kỳ gốc 2019 tăng 94,42%; bình quân 7 tháng tăng 28,11%.

Chỉ số giá đô la Mỹ giữ mức ổn định so với tháng trước; so với tháng 12 năm trước tăng 4,10%; so với cùng kỳ tăng 6,92% và so với kỳ gốc 2019 tăng 9,29%; bình quân 7 tháng tăng 5,99%.

### **7.3 Xuất, nhập khẩu hàng hóa**

Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu trên địa bàn tỉnh trong kỳ (16/6/2024 đến 17/7/2024) ước đạt 33,6 triệu USD tăng 115,46% so với cùng kỳ (kim ngạch xuất khẩu 15 triệu USD; kim ngạch nhập khẩu 14,7 triệu USD; hàng chuyển cửa khẩu 3,9 triệu USD). Tính chung 7 tháng đầu năm 2024 tổng kim ngạch XNK trên địa bàn tỉnh ước đạt 166,6 triệu USD, giảm 2,74% so với cùng kỳ, trong đó:

- Kim ngạch xuất khẩu ước đạt 101,4 triệu USD, giảm 2,69% so với cùng kỳ. Mặt hàng xuất khẩu chủ yếu như : Antimon kim loại 7,7 triệu USD; ván bóc 11,9 triệu USD; tinh bột sắn 18,5 triệu USD; hạt lạc nhân khô 11,7 triệu USD; hoa quả tươi 34 triệu USD...

- Kim ngạch nhập khẩu ước đạt 46,6 triệu USD, tăng 13,11% so với cùng kỳ. Mặt hàng nhập khẩu chủ yếu: Máy móc các loại 3 triệu USD; than cốc 3,8 triệu USD; rau tươi, hoa quả 4,3 triệu USD; thiết bị thủy điện 8 triệu USD; năng lượng điện 22,2 triệu USD...

## **II. CÁC LĨNH VỰC XÃ HỘI**

### **1. Công tác lao động việc làm và giáo dục nghề nghiệp**

Trong tháng, ngành chức năng đã ban hành văn bản thực hiện thu thập, cập nhật lưu trữ thông tin người lao động gắn với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; triển khai thực hiện Nghị định của Chính phủ về mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động; thực hiện đưa 312 lượt lao động sang Trung Quốc làm việc theo Thỏa thuận quản lý lao động qua biên giới (Thỏa thuận ký giữa tỉnh Hà Giang với địa phương phía Trung Quốc). Tổ chức hội nghị tập huấn các chính sách về lao động, việc làm, giáo dục nghề nghiệp, đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng tại huyện Bắc Mê cho 162 cán bộ cơ sở. Tổ chức 23 hội nghị tư vấn việc làm, xuất khẩu lao động, học nghề tại huyện Đồng Văn, Yên Minh, Mèo Vạc với 980 người. Giới thiệu việc làm thành công cho 108 người đi làm việc ngoài tỉnh; Ban hành quyết định giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp cho 399 người. Trong tháng, tuyển mới giáo dục nghề nghiệp 1.483 người, trong đó: hệ trung cấp 220 người, hệ sơ cấp và

dưới 3 tháng 1.263 người (được hỗ trợ học phí 1.151 người; kinh phí do người học chi trả: 112 người). Duy trì đào tạo 2.024 người (Cao đẳng 307 sinh viên; Trung cấp 1.717 học sinh).

## **2. Giáo dục - Đào tạo**

Ngành giáo dục tập trung chỉ đạo các cơ sở giáo dục triển khai công tác chuẩn bị tổ chức Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024. Ban hành Quyết định thành lập Hội đồng thi Sở GDĐT Hà Giang, Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024 và các Ban của Hội đồng thi; Kế hoạch truyền thông về Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông và công tác tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non, năm 2024. Chỉ đạo các trường tổ chức ôn tập, củng cố kiến thức cho học sinh lớp 12 năm học 2023-2024; hướng dẫn, chỉ đạo các trường kiểm tra chéo công tác đăng ký dự thi, bàn giao hồ sơ đăng ký dự thi; thành lập các đoàn kiểm tra công tác chuẩn bị tại các Điểm thi.

Tiếp tục triển khai các nội dung liên quan đến công tác tuyển sinh năm học 2024-2025: chuẩn bị các nội dung kế hoạch năm học 2024-2025, chuẩn bị các điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị giáo dục phục vụ cho công tác dạy và học năm học 2024-2025; hoàn thiện hồ sơ xét tuyển vào các trường Nội trú Trung ương năm 2024-2025, hồ sơ học viên vào Trung tâm GDNN-GDTX năm học 2024-2025; triển khai chương trình bồi dưỡng hè cho cán bộ quản lý giáo dục và giáo viên theo kế hoạch...

## **3. Văn hóa thông tin - Thể dục thể thao**

Ngành Văn hoá thể thao & Du lịch tập trung chỉ đạo các đơn vị trực thuộc, Phòng Văn hóa và Thông tin, Trung tâm Văn hóa, TT&DL các huyện, thành phố tổ chức các hoạt động tuyên truyền tới đồng bào các dân tộc trong tỉnh thực hiện nghiêm túc các văn bản của Trung ương, của tỉnh, chú trọng tuyên truyền kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước và của địa phương; Tiếp tục tuyên truyền thực hiện tốt việc xóa bỏ hủ tục, phong tục tập quán lạc hậu, xây dựng nếp sống văn minh; tuyên truyền vệ sinh ATTP, đảm bảo trật tự ATGT, phòng, chống dịch bệnh bằng các hình thức như: Treo băngzôn, pa nô cổ động, các xe tuyên truyền văn hóa lưu động tại trục đường lớn và các điểm tập trung đông dân cư; viết tin, bài tuyên truyền trên các phương tiện thông tin như truyền thanh, truyền hình, Trang thông tin điện tử, trang mạng xã hội ... Các đội tuyên truyền đã tổ chức tuyên truyền được 162 buổi, phục vụ khoảng 52.200 lượt người<sup>8</sup>. Tổ chức thành công Liên hoan tuyên truyền lưu động toàn tỉnh năm 2024 về “Xóa bỏ hủ tục, phong tục tập quán lạc hậu và thực hiện nếp sống văn minh” tại huyện Quang Bình. Thu hút 11 đội thi các huyện thành phố tham gia. Đoàn nghệ thuật tỉnh đã tổ chức dàn dựng, tập luyện biểu diễn 04 buổi<sup>9</sup> phục vụ nhiệm vụ chính trị và nhân dân trong tỉnh.

<sup>8</sup> Trong đó: Đội TTLĐ tỉnh thực hiện 5 buổi, phục vụ trên 2.250 lượt người nghe và xem.

<sup>9</sup> Ghi hình chương trình ca nhạc chủ đề “Khúc ca người làm báo”; Phục vụ 02 buổi Đại hội thi đua quyết thắng LLVT Hà Giang; lễ ra mắt lực lượng tham gia bảo vệ ANTT ở cơ sở.



Lĩnh vực thể thao triển khai thành lập đoàn huấn luyện viên, vận động viên tham gia thi đấu 05 giải Quốc gia do Trung ương tổ chức<sup>10</sup>, kết quả đạt 11 huy chương các loại, trong đó 01 HCV, 02 HCB, 8 HCD (3 VĐV cấp I quốc gia). Phối hợp tổ chức giải Vô địch bóng đá 7 người tại huyện Quản Bạ, giải Cầu lông các CLB tại huyện Bắc Quang. Ban hành quyết định thành lập Ban tổ chức và các tiểu ban thi đấu thể thao truyền thống các dân tộc thiểu số trong ngày hội, liên hoan, giao lưu nhằm bảo tồn các môn thể thao truyền thống, các trò chơi dân gian của các dân tộc thiểu số năm 2024 tại huyện Bắc Mê; Kế hoạch tổ chức giải bóng chuyền da tỉnh Hà Giang năm 2024.

- *Hoạt động du lịch*: Ban hành Kế hoạch tham gia đề cử và triển khai hoạt động truyền thông trong nước và quốc tế bình chọn giải thưởng du lịch thể giới năm 2024; tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Đề án “Xây dựng và định vị thương hiệu du lịch tỉnh Hà Giang”; Kế hoạch triển khai các hoạt động truyền thông quảng bá thương hiệu “Hà Giang - Điểm đến du lịch mới nổi hàng đầu châu Á”. Chỉ đạo tiếp tục triển khai chương trình liên kết hợp tác phát triển du lịch 8 tỉnh Tây Bắc mở rộng và Thành phố Hồ Chí Minh trên địa bàn tỉnh Hà Giang. Phối hợp tổ chức Hội nghị xúc tiến điểm đến du lịch 6 tỉnh Việt Bắc tại Đà Nẵng; triển khai Kế hoạch tổ chức Hội chợ Du lịch Tây Bắc - Điện Biên 2024; thực hiện Chương trình khảo sát du lịch 3 tỉnh Lai Châu - Lào Cai - Hà Giang. Chuẩn bị các điều kiện cần thiết phối hợp tổ chức Chương trình khảo sát và làm việc của Viện Nghiên cứu PTDL; chương trình làm việc với Dự án Thụy Sĩ vì sự phát du lịch bền vững tại Việt Nam (ST4SD) tại Hà Giang; chương trình làm việc với Tổ chức Plan International tại Việt Nam về tìm hiểu hoạt động du lịch tỉnh Hà Giang. Trong tháng, Hà Giang đón 293.000 lượt du khách, trong đó 19.134 lượt khách quốc tế (bao gồm khách mang hộ chiếu và giấy thông hành), khách nội địa là 273.866 lượt người.

#### **4. Công tác y tế, vệ sinh an toàn thực phẩm**

Ngành y tế tập trung chỉ đạo các đơn vị y tế tiếp tục tăng cường các hoạt động giám sát, kiểm tra, truyền thông... phòng chống dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm tại khu vực trọng điểm. Tình hình dịch bệnh trong tháng ổn định, các hoạt động giám sát, phòng chống dịch bệnh và các bệnh không lây nhiễm phổ biến khác... tiếp tục được tăng cường. Trong tháng phát hiện bệnh nhân sốt rét 0 ca (lũy tích 01); số ca xét nghiệm sốt rét 2.263 (lũy kế 14.200). Bệnh nhân lao các thể được phát hiện 33 (lũy kế 254); bệnh nhân lao phổi có bằng chứng vi khuẩn học mới phát hiện 47 (lũy kế 279); bệnh nhân lao phổi có bằng chứng vi khuẩn học được điều trị khỏi 19 (lũy kế 104); Lao phổi AFB âm tính 02 (lũy kế 22); Lao

<sup>10</sup> Lớp Vovinam tham gia giải Vô địch Vovinam trẻ toàn quốc tại Thanh Hóa, thời gian 14/6 – 25/6 đạt 03 HCD (03 VĐV cấp I quốc gia); Lớp Muay thái tham gia giải Vô địch Muay trẻ toàn quốc tại Đồng Nai, thời gian từ ngày 29/6 – 12/7/2024 đạt 01 HCV, 02 HCB, 04 HCD; Lớp Điền kinh tham gia giải Vô địch Điền kinh các nhóm tuổi trẻ toàn quốc năm 2024 tại Bình Định, thời gian từ ngày 26/6 – 6/7/2024; Lớp Wushu tham gia thi đấu giải Vô địch Wushu trẻ toàn quốc tại Thanh Hóa, thời gian từ ngày 19/7 – 31/7/2024 (Chưa có kết quả); Lớp Kickboxing tham gia thi đấu giải Vô địch Kickboxing trẻ toàn quốc tại Bình Định, thời gian từ ngày 18/7 – 1/8/2024 (Chưa có kết quả).

ngoài phổi 11 (lũy kế 85); Lao/HIV 01 ca; số lam xét nghiệm đờm 109 (lũy kế 1.033). Bệnh nhân tâm thần mới phát hiện trong tháng 14 (lũy kế 79); Số bệnh nhân đang quản lý và điều trị ổn định 2.171 (Tâm thần phân liệt 754; Rối loạn tâm thần 640; Động kinh 762; Trầm cảm 15). Các bệnh truyền nhiễm khác: Bạch hầu 0 (lũy tích 04), tử vong 0 (lũy tích 01); Cúm mùa 1.079 (lũy tích 8.399); Ly amip 05 (lũy tích 12); Ly trực trùng 02 (lũy tích 04); Quai bị 02 (lũy tích 07); Sốt rét 0 (lũy tích 01); Rubella 0 (lũy tích 01); Sởi 0 (lũy 6 tích 05); Tay chân miệng 01 (lũy tích 31); Thủy đậu 38 (lũy tích 410); Tiêu chảy 588 (lũy tích 3.346); Viêm gan vi rút khác 0 (lũy tích 09).

Công tác khám chữa bệnh: Trong tháng đã tổ chức khám cho 90.569 lượt bệnh nhân (lũy kế 638.452 lượt), trong đó khám tại bệnh viện và phòng khám khu vực 61.774 lượt (lũy kế 431.086 lượt), khám tại xã 28.795 lượt (lũy kế 207.366 lượt). Tổng số bệnh nhân điều trị nội trú 17.830 (lũy kế 124.708) với tổng số ngày điều trị là 97.865 (lũy kế 864.855 ngày điều trị), tổng số lần làm xét nghiệm 380.119 lượt (lũy kế 2.510.490 lượt), siêu âm 25.302 lượt (lũy kế 167.675), chụp Xquang 28.111 lượt (lũy kế 190.584).

Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát ATTP: Tuyến huyện/thành phố và các xã, phường, thị trấn đã tham mưu thành lập 103 đoàn kiểm tra các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn (trong đó 67 đoàn liên ngành (tuyến huyện/thành phố 02 đoàn, tuyến xã 65 đoàn), 36 đoàn chuyên ngành (tuyến huyện/thành phố 13 đoàn, tuyến xã 23 đoàn). Kết quả kiểm tra 377 cơ sở (lũy kế 4.633) số cơ sở đạt 358 (lũy kế 4.348) chiếm 95%, số cơ sở không đạt 19 (lũy kế 285) chiếm 5%; Xử phạt hành chính 01 cơ sở với số tiền đã nộp Kho bạc 1,1 triệu đồng. Trong tháng không xảy ra ngộ độc thực phẩm, lũy kế từ đầu năm toàn tỉnh xảy ra 03 vụ ngộ độc với 28 ca mắc, tử vong 0 (Số mắc/100.000 dân là 3,1; Tỷ lệ tử vong/mắc là 0%). Nguyên nhân do ăn Nấm dại và ăn tại bếp ăn tập thể.

## **5. Trật tự, an toàn giao thông**

Trong kỳ (từ 16/6/2024 đến 15/7/2024) toàn tỉnh xảy ra 03 vụ TNGT, tai nạn giao thông làm chết 01 người và bị thương 02 người. So với cùng kỳ năm trước số vụ tai nạn giao thông giảm 06 vụ, số người chết giảm 04 người và số người bị thương giảm 06 người. Trong tháng đã phát hiện và tiến hành xử lý vi phạm Luật an toàn giao thông đường bộ đối với 3.078 trường hợp, trong đó: Ô tô 503 trường hợp; mô tô 2.575 trường hợp với tổng số tiền phạt xử lý vi phạm 2.665 triệu đồng. Tính chung 7 tháng năm 2024 toàn tỉnh xảy ra 47 vụ tai nạn giao thông, làm chết 37 người và 29 người bị thương. So với 7 tháng năm 2023 số vụ tai nạn giảm 05 vụ, số người chết tăng 05 người, số người bị thương giảm 12 người.

**Hình 8: Tai nạn giao thông 7 tháng năm 2024 (so với cùng kỳ)****6. Tình hình cháy nổ, bảo vệ môi trường**

- *Tình hình cháy, nổ*: Trong kỳ (từ ngày 16/6/2024 đến 15/7/2024) trên địa bàn tỉnh không xảy ra cháy, nổ. Tính chung 7 tháng đầu năm 2024 trên địa bàn tỉnh xảy ra 16 vụ cháy (03 vụ cháy nhà, 01 vụ cháy siêu thị, 12 vụ cháy rừng) làm 03 người chết, ước giá trị thiệt hại về tài sản do cháy gây ra khoảng 6.303 triệu đồng và 23,5 ha rừng bị thiệt hại. So với 7 tháng đầu năm 2023, số vụ cháy giảm 07 vụ; số người chết do cháy, nổ gây ra tăng 03 người; số người bị thương giảm 01 người; diện tích rừng bị thiệt hại do cháy giảm 13,1 ha; giá trị thiệt hại về tài sản do cháy, nổ gây ra tăng 1.947 triệu đồng.

**Hình 9: Cháy, nổ 7 tháng năm 2024 (so với cùng kỳ)**

- *Công tác bảo vệ môi trường*: Theo kết quả tổng hợp báo cáo từ Chi cục bảo vệ môi trường và Công an tỉnh trong tháng toàn tỉnh phát hiện 10 vụ vi phạm về môi trường, cơ quan chức năng đã tiến hành xử lý 15 vụ vi phạm với tổng số tiền phạt 213,6 triệu đồng. So với cùng kỳ năm trước tăng 07 vụ phát hiện, số tiền xử phạt tăng 164 triệu đồng. Tính chung 7 tháng đầu năm 2024 đã phát hiện 84 vụ vi

phạm môi trường, đã tiến hành xử lý 84 vụ với tổng số tiền xử phạt vi phạm là 908 triệu đồng. So với 7 tháng đầu năm 2023 số vụ vi phạm tăng 04 vụ, số tiền xử phạt giảm 491 triệu đồng.

## **7. Thiệt hại do thiên tai**

Trong tháng trên địa bàn tỉnh xảy ra 02 đợt thiên tai do mưa lớn gây thiệt hại về tài sản của nhà nước và nhân dân. Theo kết quả tổng hợp báo cáo của Ban chỉ huy PCTT, TKCN và PTDS tỉnh, thiên tai làm chết 13 người và bị thương 05 người do đất đá sạt lở; 08 ngôi nhà sập và hư hỏng; 62 nhà bị ngập úng, 51 nhà di chuyển khẩn cấp do nguy cơ sạt lở đất, 133 nhà bị ảnh hưởng do sạt lở đất đá; 03 trường học và 07 trạm y tế bị tốc mái, hư hỏng. Tổng diện tích lúa, rau màu, cây lâm nghiệp bị thiệt hại 703,7 ha và 22 ha thủy sản bị thiệt hại; 19 con gia súc và 349 con gia cầm bị chết. Khối lượng đất đá sạt lở trên các tuyến đường quốc lộ khoảng 32.862 m<sup>3</sup>; đường tỉnh lộ 18.260 m<sup>3</sup>; đường huyện liên xã, thôn 27.620 m<sup>3</sup>; 21 công trình thủy lợi thiệt hại; 1.141 m kênh mương bị hư hỏng... Ước tính giá trị thiệt hại do thiên tai gây ra khoảng 48,5 tỷ đồng. So với cùng kỳ năm trước số vụ thiên tai tăng 01 vụ, giá trị thiệt hại do thiên tai gây ra tăng 36,3 tỷ đồng. Tính chung 7 tháng đầu năm toàn tỉnh xảy ra 13 vụ thiên tai, ước giá trị thiệt hại 205,5 tỷ đồng. So với 7 tháng đầu năm 2023, số vụ thiên tai tăng 07 vụ, giá trị thiệt hại do thiên tai gây ra tăng 153,7 tỷ đồng.

Trên đây là tình hình kinh tế xã hội tháng 7 năm 2024, Cục Thống kê tỉnh Hà Giang tổng hợp báo cáo ./.

### ***Nơi nhận:***

- Vụ Thống kê Tổng hợp & PBTT - TCTK;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- VP ĐDBQH & HĐND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- Sở KH - ĐT;
- Lãnh đạo Cục;
- Lưu VT.

**CỤC TRƯỞNG**

**Trần Vĩnh Nội**

## 1. Sản xuất nông nghiệp đến ngày 15 tháng báo cáo

Chỉ tiêu	Thực hiện cùng kỳ năm trước	Thực hiện kỳ này	Thực hiện kỳ này so với cùng kỳ năm trước (%)
<b>1. Diện tích gieo trồng cây hàng năm (Ha)</b>			
Lúa Mùa	23.370,6	25.568,6	109,40
Ngô	46.293,6	45.958,2	99,28
Đậu tương	4.938,9	4.837,7	97,95
Lạc	6.186,0	6.241,2	100,89
Rau các loại	8.042,4	8.376,1	104,15
<b>2. Sản lượng thu hoạch (Tấn)</b>			
Ngô	66.643,6	70.267,3	105,44
Đậu tương	6.457,4	6.914,0	107,07
Lạc	14.663,3	15.195,2	103,63
Rau các loại	74.976,3	84.318,3	112,46

## 2. Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 7 năm 2024

Chỉ tiêu	Đơn vị tính: %			
	Tháng 6	Tháng 7	Chỉ số tháng	Cộng dồn từ
	năm 2024	năm 2024	7/2024	đầu năm đến
	so với	so với	so với	cuối kỳ báo cáo
	cùng kỳ	tháng	cùng kỳ	so với cùng kỳ
	năm trước	trước	năm trước	năm trước
<b>Tổng số</b>	<b>113,27</b>	<b>160,24</b>	<b>128,96</b>	<b>106,95</b>
<i>Phân theo ngành kinh tế cấp II</i>				
<b>1. Công nghiệp khai khoáng</b>	<b>124,80</b>	<b>113,83</b>	<b>101,97</b>	<b>53,18</b>
Khai thác quặng kim loại	137,73	116,27	100,26	48,95
Khai khoáng khác	76,14	97,23	118,42	107,51
<b>2. Công nghiệp chế biến, chế tạo</b>	<b>91,68</b>	<b>107,17</b>	<b>96,56</b>	<b>98,57</b>
Sản xuất chế biến thực phẩm	106,92	98,84	102,88	112,31
Sản xuất đồ uống	11,51	86,57	10,72	34,25
Dệt	105,00	104,76	100,00	42,54
Sản xuất trang phục	97,14	111,57	107,63	95,02
Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rơm, rạ và vật liệu tết bện	77,40	112,92	83,65	104,34
Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy	104,29	111,11	90,91	72,27
In, sao chép bản ghi các loại	92,17	122,06	247,25	130,73
Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác	78,33	100,27	78,25	103,43
Sản xuất kim loại	-	165,17	-	103,00
Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)	101,20	101,59	103,04	99,34
Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	102,18	106,12	104,24	101,73
<b>3. Sản xuất, phân phối điện, khí đốt</b>	<b>122,06</b>	<b>182,32</b>	<b>140,26</b>	<b>121,11</b>
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí	122,06	182,32	140,26	121,11
<b>4. Cung cấp nước, xử lý rác thải...</b>	<b>95,94</b>	<b>99,87</b>	<b>101,17</b>	<b>96,65</b>
Khai thác, xử lý và cung cấp nước	92,65	100,07	101,11	95,39
Hoạt động thu gom, xử lý và tiêu huỷ rác thải; tái chế phế liệu	101,10	99,58	101,25	98,39

### 3. Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu

Chi tiêu	Đơn vị	Thực hiện tháng 6 năm 2024	Ước tính tháng 7 năm 2024	Lũy kế từ đầu năm đến tháng báo cáo	Tháng 7 năm 2024 so với cùng kỳ năm trước(%)	Lũy kế so với cùng kỳ năm trước (%)
<b>Tên sản phẩm</b> (Theo ngành sản phẩm mới)						
1. Quặng sắt và tinh sắt chưa nung kết	Tấn	12.650,3	14.047,7	67.443,7	90,94	30,17
2. Đá xây dựng khác	M3	22.749,4	21.595,2	129.544,5	107,81	98,13
3. Chè	Tấn	850,2	653,4	3.058,0	89,44	135,18
4. Ván ép từ gỗ và các vật liệu tương tự	M3	2.461,0	3.000,0	26.207,0	64,67	105,94
5. Các sản phẩm bằng vật liệu têt bện l	1000 cái	194,5	207,0	1.168,1	103,54	119,17
6. Bột giấy hoá học từ gỗ, loại hoà tan	Tấn	192,9	214,3	1.446,7	90,91	72,27
7. Sản phẩm in ( quy khổ 13x19 cm)	Triệu trang	12,2	14,9	72,0	247,25	130,73
8. Cấu kiện làm sẵn cho xây dựng hoặc kỹ thuật dân dụng, bằng xi măng, bê tông hoặc đá nhân tạo	Tấn	1.129,5	1.099,2	6.538,7	116,21	89,18
9. Bê tông trộn sẵn (bê tông tươi)	M3	2.994,0	2.950,0	30.988,0	50,82	162,19
10. Cửa ra vào, cửa sổ bằng sắt, thép	M2	1.605,6	1.644,3	9.806,8	108,80	93,53
11. Điện sản xuất	Triệu KWh	260,8	484,9	1.335,4	140,66	122,25
12. Điện thương phẩm	Triệu KWh	54,2	60,2	333,6	128,11	105,04
13. Nước uống được	1000 m3	323,3	323,5	2.114,4	101,11	95,39
14. Rác thải đa thu gom- xử lý	Triệu đồng	935,7	931,7	6.533,0	101,25	98,39

#### 4. Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý

Chỉ tiêu	Thực hiện tháng 6 năm 2024 (Tỷ Đồng)	Ước tính tháng 7 năm 2024 (Tỷ Đồng)	Lũy kế từ đầu năm đến tháng báo cáo (Tỷ Đồng)	Lũy kế đến cuối kỳ báo cáo so với kế hoạch năm (%)	Lũy kế so với cùng kỳ năm trước (%)
<b>Tổng số</b>	<b>416,9</b>	<b>420,1</b>	<b>2.725,4</b>	<b>53,68</b>	<b>80,02</b>
<b>1.Vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh</b>	<b>245,1</b>	<b>246,0</b>	<b>1.586,4</b>	<b>50,36</b>	<b>72,49</b>
- Vốn cân đối ngân sách cấp tỉnh	122,0	122,7	790,1	52,63	131,94
- Vốn trung ương hỗ trợ đầu tư theo mục	96,9	95,8	642,8	65,57	49,24
- Vốn nước ngoài (ODA)	17,3	18,3	99,1	18,64	47,20
- Xổ số kiến thiết	1,6	1,7	10,3	46,64	93,85
- Vốn khác	7,2	7,5	44,1	38,28	69,76
<b>2.Vốn ngân sách nhà nước cấp huyện</b>	<b>165,6</b>	<b>167,6</b>	<b>1.104,6</b>	<b>57,34</b>	<b>95,71</b>
- Vốn cân đối ngân sách cấp huyện	17,0	19,1	109,8	44,80	60,28
- Vốn tỉnh hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	148,6	148,5	994,8	59,17	102,34
- Vốn khác	-	-	-	-	-
<b>3. Vốn ngân sách nhà nước cấp xã</b>	<b>6,2</b>	<b>6,5</b>	<b>34,5</b>	-	<b>54,31</b>
- Vốn cân đối ngân sách cấp xã	2,8	2,9	15,4	-	58,63
- Vốn tỉnh hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	3,4	3,6	19,1	-	51,27
- Vốn khác	-	-	-	-	-



## 5. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ

Chỉ tiêu	Thực hiện tháng 6 năm 2024 (Tỷ Đồng)	Ước tính tháng 7 năm 2024 (Tỷ Đồng)	Lũy kế từ đầu năm đến tháng báo cáo (Tỷ Đồng)	Tháng 7 năm 2024 so với cùng kỳ năm trước (%)	Lũy kế so với cùng kỳ năm trước (%)
<b>Tổng số</b>	<b>1.528,5</b>	<b>1.515,5</b>	<b>10.920,6</b>	<b>113,81</b>	<b>118,46</b>
<b>Phân theo ngành kinh tế</b>					
1. Thương nghiệp	1.224,7	1.216,0	8.625,9	112,88	117,67
2. Lưu trú	22,1	21,4	175,3	119,83	127,49
3. Ăn uống	198,0	195,3	1.528,6	119,50	121,72
4. Du lịch lữ hành	1,7	1,7	16,5	100,46	129,69
5. Dịch vụ	82,0	81,1	574,3	113,64	119,11

## 6. Doanh thu bán lẻ hàng hóa

Chỉ tiêu	Thực hiện tháng 6 năm 2024 (Tỷ Đồng)	Ước tính tháng 7 năm 2024 (Tỷ Đồng)	Lũy kế từ đầu năm đến tháng báo cáo (Tỷ Đồng)	Tháng 7 năm 2024 so với cùng kỳ năm trước (%)	Lũy kế so với cùng kỳ năm trước (%)
<b>Tổng số</b>	<b>1.224,7</b>	<b>1.216,1</b>	<b>8.625,9</b>	<b>112,88</b>	<b>117,67</b>
<b>Phân theo nhóm hàng</b>					
1. Lương thực, thực phẩm	409,4	416,2	2.910,7	117,54	117,92
2. Hàng may mặc	107,1	107,3	747,7	100,95	115,12
3. Đồ dùng dụng cụ, trang thiết bị gia đình	117,4	119,4	877,7	117,96	120,13
4. Vật phẩm văn hóa, giáo dục	26,8	27,0	131,5	104,04	128,56
5. Gỗ và vật liệu xây dựng	248,5	241,7	1.635,2	104,66	117,01
6. Ô tô các loại	13,9	14,1	149,1	109,13	103,49
7. Phương tiện đi lại (Trừ ô tô kể cả phụ tùng)	30,9	30,2	237,8	120,83	136,86
8. Xăng, dầu các loại	188,9	183,5	1.254,2	121,76	117,25
9. Nhiên liệu khác (trừ xăng, dầu)	21,8	21,1	180,6	101,96	116,10
10. Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	1,8	1,8	17,7	103,34	156,93
11. Hàng hóa khác	33,5	28,6	281,9	101,90	118,47
12. Sửa chữa xe có động cơ, mô tô, xe máy..	24,7	25,3	201,8	127,64	106,36

## 7. Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành và dịch vụ khác

Chỉ tiêu	Thực hiện tháng 6 năm 2024 (Tỷ Đồng)	Ước tính tháng 7 năm 2024 (Tỷ Đồng)	Lũy kế từ đầu năm đến tháng báo cáo (Tỷ Đồng)	Tháng 7 năm 2024 so với cùng kỳ năm trước (%)	Lũy kế so với cùng kỳ năm trước (%)
<b>Tổng số</b>	<b>303,8</b>	<b>299,5</b>	<b>2.294,7</b>	<b>117,75</b>	<b>121,53</b>
<b>Dịch vụ lưu trú, ăn uống</b>	<b>220,1</b>	<b>216,7</b>	<b>1.703,9</b>	<b>119,53</b>	<b>122,29</b>
- Dịch vụ lưu trú	22,1	21,4	175,3	119,83	127,49
- Dịch vụ ăn uống	198,0	195,3	1.528,6	119,50	121,72
<b>Du lịch lữ hành</b>	<b>1,7</b>	<b>1,7</b>	<b>16,5</b>	<b>100,46</b>	<b>129,69</b>
<b>Dịch vụ khác</b>	<b>82,0</b>	<b>81,1</b>	<b>574,3</b>	<b>113,64</b>	<b>119,11</b>

## 8. Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và chỉ số giá Đô la Mỹ

Đơn vị tính: %

Chỉ tiêu	Chỉ số giá tháng 7 so với				Chỉ số giá bình quân cùng kỳ
	Kỳ gốc	Tháng	Tháng 12	Tháng	
	2019	7 năm 2023	năm 2023	6 năm 2024	
<b>Chỉ số giá tiêu dùng chung</b>	<b>111,89</b>	<b>103,73</b>	<b>101,02</b>	<b>100,35</b>	<b>103,57</b>
1. Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	111,25	103,45	101,16	100,39	102,45
<i>Trong đó:</i>					
Lương thực	130,15	112,61	100,86	99,34	112,10
Thực phẩm	107,56	102,40	101,45	100,67	100,93
Ăn uống ngoài gia đình	113,13	100,13	99,95	100,00	101,09
2. Đồ uống và thuốc lá	119,84	101,83	101,06	100,11	100,51
3. May mặc, giày dép và mũ nón	109,43	100,86	100,47	100,16	100,61
4. Nhà ở, điện, nước, chất đốt và V	125,21	114,71	103,42	100,42	117,63
5. Thiết bị và đồ dùng gia đình	114,58	98,92	100,35	99,86	98,94
6. Thuốc và dịch vụ y tế	112,89	109,46	100,09	100,00	109,18
7. Giao thông	104,37	100,96	100,84	101,08	99,93
8. Bru chính viễn thông	97,10	97,73	97,71	100,20	97,81
9. Giáo dục	120,54	100,61	100,00	100,00	101,84
10. Văn hoá, giải trí và du lịch	89,73	97,89	99,17	99,59	98,39
11. Hàng hoá và dịch vụ khác	120,49	103,45	101,39	100,78	103,90
<b>Chỉ số giá vàng</b>	<b>194,42</b>	<b>135,60</b>	<b>124,00</b>	<b>101,93</b>	<b>128,11</b>
<b>Chỉ số giá đô la Mỹ</b>	<b>109,29</b>	<b>106,92</b>	<b>104,10</b>	<b>100,00</b>	<b>105,99</b>

## 9. Doanh thu vận tải kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải

Chỉ tiêu	Ước tính tháng 7 năm 2024 (Tỷ Đồng)	Lũy kế từ đầu năm đến tháng báo cáo (Tỷ Đồng)	Tháng 7 năm 2024 so với tháng 6 năm 2024 (%)	Tháng 7 năm 2024 so với cùng kỳ năm trước (%)	Lũy kế so với cùng kỳ năm trước (%)
<b>Tổng số</b>	<b>77,1</b>	<b>554,9</b>	<b>98,37</b>	<b>113,44</b>	<b>119,66</b>
<b>1. Vận tải hành khách</b>	<b>27,7</b>	<b>203,6</b>	<b>97,68</b>	<b>108,76</b>	<b>117,78</b>
Đường bộ	25,6	178,9	97,93	114,28	122,22
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường thủy	2,12	24,70	94,80	68,69	93,25
<b>2. Vận tải hàng hóa</b>	<b>48,4</b>	<b>342,6</b>	<b>98,88</b>	<b>116,22</b>	<b>120,65</b>
Đường bộ	48,4	342,6	98,88	116,22	120,65
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường thủy	-	-	-	-	-
<b>3. Dịch vụ hỗ trợ vận tải</b>	<b>0,8</b>	<b>6,9</b>	<b>91,97</b>	<b>123,46</b>	<b>129,03</b>
Đường bộ	0,8	6,9	91,97	123,46	129,03
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường thủy	-	-	-	-	-
<b>4. Bưu chính chuyên phát</b>	<b>0,2</b>	<b>1,8</b>	<b>97,13</b>	<b>101,10</b>	<b>117,45</b>
Đường bộ	0,2	1,8	97,13	101,10	117,45
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường thủy	-	-	-	-	-

## 10. Vận tải hành khách và hàng hóa của địa phương

Chỉ tiêu	Ước tính tháng 7 năm 2024	Lũy kế từ đầu năm đến tháng báo cáo	Tháng 7 năm 2024 so với tháng 6 năm 2024 (%)	Tháng 7 năm 2024 so với cùng kỳ năm trước (%)	Lũy kế so với cùng kỳ năm trước (%)
<b>A. HÀNH KHÁCH</b>					
<b>I. Vận chuyển (Nghìn HK)</b>	<b>327,6</b>	<b>2.333,0</b>	<b>98,64</b>	<b>106,49</b>	<b>116,10</b>
Đường bộ	297,4	2.001,4	98,59	109,08	114,80
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường thủy	30,21	331,63	99,14	86,29	124,66
<b>II. Luân chuyển (Nghìn HK.km)</b>	<b>48.914,1</b>	<b>311.754,0</b>	<b>97,18</b>	<b>104,20</b>	<b>117,09</b>
Đường bộ	48.692,3	309.047,2	97,19	104,29	116,91
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường thủy	221,80	2.706,78	95,90	87,69	142,93
<b>B. HÀNG HÓA</b>					
<b>I. Vận chuyển (Nghìn tấn)</b>	<b>316,6</b>	<b>2.264,7</b>	<b>99,09</b>	<b>116,21</b>	<b>121,81</b>
Đường bộ	316,6	2.264,7	99,09	116,21	121,81
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường thủy	-	-	-	-	-
<b>II. Luân chuyển (Nghìn tấn.km)</b>	<b>14.380,7</b>	<b>101.099,2</b>	<b>98,97</b>	<b>116,78</b>	<b>121,49</b>
Đường bộ	14.380,7	101.099,2	98,97	116,78	121,49
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường thủy	-	-	-	-	-

## 11. Trật tự, an toàn giao thông

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Sơ bộ kỳ báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến kỳ báo cáo	Kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo so với cùng kỳ (%)
<b>1. Tai nạn giao thông:</b>					
Số vụ tai nạn giao thông					
Đường bộ	Vụ	3	47	33,33	90,38
Đường sắt	::	-	-	-	-
Đường thủy	::	-	-	-	-
Số người chết					
Đường bộ	Người	1	37	20,00	115,63
Đường sắt	::	-	-	-	-
Đường thủy	::	-	-	-	-
Số người bị thương					
Đường bộ	Người	2	29	25,00	70,73
Đường sắt	::	-	-	-	-
Đường thủy	::	-	-	-	-
<b>2. Số vụ cháy, nổ</b>					
Số vụ cháy, nổ	Vụ	-	16	-	69,57
Số người chết	Người	-	3	-	-
Số người bị thương	Người	-	-	-	-
Tổng giá trị tài sản thiệt hại	Triệu đồng	-	6.303	-	144,83